

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02 /2025/DS-ST**

Ngày: 17-01-2025

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:

Bà Trần Thị Hà Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thương Huyền

Bà Trần Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 165/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Lệ D**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 8A, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 8B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Võ Ngọc T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 8B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
(Bà **Hồ Thị Lệ D** có mặt; bà **Nguyễn Thị M** và anh **Võ Ngọc T** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết Nguyên đơn bà Hồ Thị Lệ D trình bày: Bà Hồ Thị Lệ D và bà Nguyễn Thị M có mối quan hệ họ hàng với nhau, bà M là cô ruột của chồng bà D. Trong lúc bà M gặp khó khăn về kinh tế thì bà D có cho bà M vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/2/2022 bà D có cho bà M vay số tiền 450.000.000 đồng, hẹn một năm sau sẽ trả cho bà D nhưng hai bên thỏa thuận miệng nên không ghi cụ thể vào giấy nợ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Bà D đã giao đủ số tiền 450.000.000 đồng cho bà M. Sau khi nhận đủ tiền bà M đã viết giấy nhận nợ cho bà D. Tuy nhiên sau khi bà M viết giấy nợ thì bà D có yêu cầu con trai bà M là Võ Ngọc T cùng kí tên trong giấy vay tiền nhưng thực tế chỉ có bà M là người vay và cũng là người nhận tiền.

Đối với khoản vay này thì bà M đã trả lãi suất phát sinh cho bà D đến tháng 6/2023. Khoản tiền lãi suất bà M trả xong rồi thì bà D không yêu cầu xem xét lại.

Lần 2: Cũng trong ngày 20/02/2022 bà D cho bà M vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này bà D giao tiền mặt cho bà M nhưng hai bên không viết giấy tờ gì với nhau mà có nhắn tin trao đổi qua Zalo điện thoại, với số điện thoại của bà M là 0942721568. Số tiền này thì bà D và bà M thỏa thuận vay trong 10 ngày. Lãi suất hai bên không thỏa thuận vì vay rồi sẽ trả lại cho bà D ngay. Tuy nhiên quá thời hạn thì bà M cũng không trả tiền cho bà D.

Lần 3: Ngày 16/4/2023 bà D tiếp tục cho bà M vay số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền này bà D cũng giao tiền mặt cho bà M nhưng hai bên không kí giấy tờ gì với nhau nhưng nội dung vay tiền thể hiện qua tin nhắn zalo giữa bà D với bà M xác nhận đã nhận số tiền 70.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 3 %/ tháng. Khoản vay này là bà M có trả lãi suất theo thỏa thuận là 10 ngày trả 1 lần, đến cuối tháng 6/2023 là không trả nợ lãi nữa.

Lần 4: Ngày 24/4/2023 bà M tiếp tục vay của bà D số tiền 500.000.000 đồng, số tiền này bà D giao trực tiếp bằng tiền mặt cho bà M và trong tin nhắn zalo thì bà D có chụp hình gửi số tiền 500.000.000 đồng cho bà M và bà M đã xác nhận là đồng ý. Số tiền này hai bên thỏa thuận vay để đáo hạn ngân hàng và bà M không nói rõ ngày trả, chỉ nói vay tiền để bà M đáo hạn ngân hàng đủ 3 tỷ sẽ trả nợ hết cho bà D. Lãi suất là 1.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 3 %/ tháng. Khoản vay này là bà M có trả lãi suất theo thỏa thuận là 10 ngày trả 1 lần, đến cuối tháng 6/2023 là không trả nợ lãi nữa.

Lần 5: Cũng trong ngày 24/4/2023 và buổi chiều tối thì bà D tiếp tục cho bà M vay thêm số tiền 700.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này thì bà D viết giấy vay tiền và bà M có ký tên nhận nợ. Khoản vay này hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, hẹn thời hạn là 1 tháng sẽ trả nợ. Khoản vay này thì bà M cũng trả lãi suất đến cuối tháng 6/2023 là không trả nữa.

Lần 6: Ngày 27/5/2023 bà D tiếp tục cho bà M vay số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền này bà D cũng giao tiền mặt cho bà M nhưng hai bên không kí giấy tờ gì với nhau nhưng nội dung vay tiền thể hiện qua tin nhắn zalo giữa bà D với bà M xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 3 %/ tháng. Khoản vay này là bà M có trả lãi suất theo thỏa thuận là 10 ngày trả 1 lần, đến cuối tháng 6/2023 là không trả nợ lãi nữa.

Lần 7: Ngày 19/6/2023 bà D tiếp tục cho bà M vay số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền này bà D cũng giao tiền mặt cho bà M nhưng hai bên không kí

giấy tờ gì với nhau nhưng nội dung vay tiền thể hiện qua tin nhắn zalo giữa bà D với bà M xác nhận đã nhận số tiền 150.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 3 %/ tháng. Khoản vay này là bà M có trả lãi suất theo thỏa thuận là 10 ngày trả 1 lần, đến cuối tháng 6/2023 là không trả nợ lãi nữa.

Lần 8: Ngày 27/6/2023 bà D tiếp tục cho bà M vay số tiền 170.000.000 đồng. Số tiền này bà D cũng giao tiền mặt cho bà M nhưng hai bên không kí giấy tờ gì với nhau nhưng nội dung vay tiền thể hiện qua tin nhắn zalo giữa bà D với bà M xác nhận đã nhận số tiền 170.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 3 %/ tháng. Khoản vay này là bà M có trả lãi suất theo thỏa thuận là 10 ngày trả 1 lần, đến cuối tháng 6/2023 là không trả nợ lãi nữa.

Từ đầu tháng 7/2023 cho đến nay thì bà M không trả nợ tiền lãi suất phát sinh cũng như tiền nợ gốc cho bà D và còn bán nhà, không ở tại thôn 8b, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Nay bà Hồ Thị Lệ D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà D số tiền nợ gốc 2.260.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cụ thể như sau:

Đối với khoản vay số tiền 450.000.000 đồng và 700.000.000 đồng thì bà D yêu cầu lãi suất là 1.6%/ tháng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với khoản vay còn lại 1.110.000.000 đồng thì bà D yêu cầu lãi suất là 0.83%/ tháng kể từ ngày 19/6/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Toàn bộ việc vay tiền nợ giữa bà D với bà M không liên quan gì đến anh Võ Ngọc T, là việc vay mượn tiền giữa bà D với bà M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc T đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/11/2024 nhưng bà M và anh Trác vắng mặt không có lý do, do vậy việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị Lệ D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà D chỉ yêu cầu 02 khoản vay ngày 20/02/2022 và 24/4/2023 với số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 1.6%/ tháng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án (khoản vay có giấy ghi nợ); đối với các khoản vay còn lại bà D yêu cầu rút lại không yêu cầu giải quyết trong vụ án này; Bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc T vắng mặt nên không có lời trình bày nào.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M trả cho bà Hồ Thị Lệ D số tiền nợ gốc là 1.150.000.000

đồng và lãi suất phát sinh là 1.6%/ tháng, kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 16/01/2025; Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện số tiền vay 1.110.000.000 đồng do bà D rút yêu cầu khởi kiện; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Bà Hồ Thị Lệ D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M có địa chỉ tại thôn 8b, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, phải trả số tiền vay nợ gốc là 2.260.000.000 đồng và lãi suất phát sinh nên xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Bảo Lâm giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Lệ D, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện:*

3.1 Theo giấy vay tiền ngày 20/02/2022 bản gốc do nguyên đơn xuất trình thể hiện nội dung: “ Ngày 20/2/2022 bà Nguyễn Thị M cùng con Võ Ngọc T có vay số tiền 450.000.000 đồng của bà Hồ Thị Lệ D, trong giấy không thể hiện thời hạn trả nợ nhưng có thoả thuận lãi suất là 2%/ tháng. Tuy nhiên theo bà D trình bày thì khi vay tiền hai bên có thoả thuận thời hạn trả nợ một năm sau sẽ trả cho bà D nhưng hai bên thoả thuận miệng nên không ghi cụ thể vào giấy nợ. Bà D đã giao đủ số tiền 450.000.000 đồng cho bà M. Sau khi nhận đủ tiền bà M đã viết giấy nhận nợ cho bà D. Tuy nhiên sau khi bà M viết giấy nợ thì bà D có yêu cầu con trai bà M là Võ Ngọc T cùng kí tên trong giấy vay tiền nhưng thực tế chỉ có bà M là người vay và cũng là người nhận tiền.

3.2 Theo giấy mượn tiền ngày 24/04/2023 bản gốc thể hiện bà Nguyễn Thị M có vay của bà Hồ Thị Lệ D số tiền 700.000.000 đồng, hẹn thời hạn 1 tháng sẽ trả, lãi suất là 2%/ tháng.

Cả 02 giấy vay tiền chỗ người mượn bà Nguyễn Thị M kí tên nhận nợ. Bà D cam đoan chữ kí và chữ viết chỗ người vay tiền là do bà M viết và kí tên.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà M và anh Trác làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hoà giải với bà D nhưng bà M và anh Trác vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ việc vay mượn tiền giữa bà M và bà D là có thật, bà M và anh Trác không có lời trình bày gì về việc vay mượn tiền cũng như trả tiền cho bà D. Do vậy, quá thời hạn trả nợ bà D yêu cầu bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả nợ số tiền 1.150.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

3.3 Đối với yêu cầu lãi suất của bà D thì bà D trình bày đối với khoản vay ngày 20/02/2022 và ngày 24/4/2023 thì bà M đã trả lãi suất phát sinh cho bà D đến tháng 6/2023. Khoản tiền lãi suất bà M trả xong rồi thì bà D không yêu cầu xem xét lại. Nay bà D yêu cầu lãi suất phát sinh từ ngày 01/07/2023 cho đến ngày 17/01/2025 là 1,6%/ tháng là có căn cứ để chấp nhận vì trong giấy vay mượn tiền có thể hiện lãi suất hai bên thoả thuận là 2%/ tháng, nay bà D yêu cầu lãi suất cụ thể như sau:

1.150.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 17 tháng 16 ngày = 322.613.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Tổng cộng gốc và lãi suất phát sinh bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Lệ D là 1.472.613.000 đồng.

3.4 Tại phiên toà bà Hồ Thị Lệ D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà D rút yêu cầu đối với các khoản vay ngày 20/02/2022 với số tiền vay là 20.000.000 đồng, ngày 24/4/2023 với số tiền vay là 500.000.000 đồng; ngày 16/4/2023 với số tiền vay là 70.000.000 đồng; ngày 27/5/2023 với số tiền vay là 200.000.000 đồng; ngày 19/6/2023 với số tiền vay là 150.000.000 đồng; ngày 27/6/2023 với số tiền vay là 170.000.000 đồng, tổng cộng số tiền rút yêu cầu là 1.110.000.000 đồng, sau này bà D sẽ có yêu cầu khởi kiện sau. Việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên HĐXX cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D với số tiền 1.110.000.000 đồng.

3.5 Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự cần buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất phát sinh là 1.472.613.000 đồng cho bà Hồ Thị Lệ D là đúng pháp luật.

[4]. Về án phí: Do bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Hồ Thị Lệ D số tiền 1.472.613.000 đồng nên cần bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.178.400 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Lệ D về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho bà Hồ Thị Lệ D với số tiền là 1.472.613 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười ba ngàn đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, tiền lãi suất là 322.613.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18-01-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Lệ D đối với số tiền nợ gốc là 1.110.000.000 đồng.

Hậu quả của đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật”.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.178.400 đồng.

Bà Hồ Thị Lệ D được nhận lại số tiền 38.700.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007129 ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự H. Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã kí)

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà Vi

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hồng Liên- Đỗ Đức Lâm

Trần Thị Hà Vi

